

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-PT

Ngày: 21-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Trinh**.

Các Thẩm phán: Ông **Thái Quang Hải**.

Bà **Nguyễn Thị Kim Phụng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Uyên Vũ**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Trung Nam** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21-3-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 25/2018/TLPT-HS ngày 6-2-2018, đối với các bị cáo Nguyễn Hòa An K, Nguyễn Phước Đ và Lâm Văn H, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 79/2017/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận M.

- Bị cáo có kháng cáo :

1. **Nguyễn Hòa An K** sinh ngày 28-9-2000, tại phường P, quận M, thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: Khu vực T, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Tấn L và bà: Nguyễn Thị Bích Z; tiền án: tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp:

Nguyễn Tấn L

sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Khu vực T, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Kiều X - Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Cần Thơ, bào chữa cho bị cáo.

2. **Nguyễn Phước Đ** sinh ngày 20-6-1999, tại phường Thới C, quận M, thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: phường Thới C, quận M, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thanh G và bà: Nguyễn Thị U; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp:

Nguyễn Thị U sinh năm 1980.

Nơi cư trú: phường Thới C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Luật sư Trần Hùng D - Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ, bào chữa cho bị cáo.

3. Lâm Văn H sinh ngày 18-8-1998, tại huyện N, thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: xã Y, huyện N, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lâm Văn S và bà: Nguyễn Thị F; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 8-1-2017, Lâm Văn H đến quán cà phê Hương Quê, tại khu vực Thới Nguơn Q, p. P, q. M, tp. Cần Thơ, để uống cà phê với Nguyễn Phước Đ và Nguyễn Hòa An K. Tại đây Đ và K nói - không có tiền tiêu xài. H nói - Nguyễn Minh W có điện thoại di động OPPO mới. K đưa ra kế hoạch lừa W, lấy điện thoại, mang đi bán, lấy tiền. H và Đ đồng ý.

Theo kế hoạch, Đ chở H đến phòng trọ của W, tại nhà trọ Tổ Quyên - khu vực Thới Nguơn Q, p. P, q. M. Cả 2 giả vờ rủ W đi nhậu. W từ chối. Cả 2 tiếp tục ngồi lại. Khoảng 10 phút sau, K đi tới, giả vờ hỏi mượn điện thoại của Đ, để gọi về nhà. Đ nói - đã hết tiền trả cước gọi. H hỏi mượn điện thoại của W, để cho K gọi. W đồng ý và đưa điện thoại OPPO cho K. K giả vờ đi ra ngoài phòng trọ để gọi, rồi chạy thẳng đến nhà của Lê Nguyễn O, tại khu vực Thới D, p. P, q. M. K nói - có người nhờ bán điện thoại dùm, rồi cho tiền uống cà phê. O chở K đến cửa hàng điện thoại Lâm Mobile, khu vực R, p. V, q. M. O cầm điện thoại với giá 2.000.000đ, rồi đưa tiền cho K. K đưa cho O 500.000đ, rồi nhờ O đưa cho Đ và H, mỗi người 500.000đ. Ngày 9-1-2017, khi gặp nhau tại quán cà phê, Đ kêu O bán luôn điện thoại mà K đã cầm, được 500.000đ nữa, rồi cùng H đi nhậu.

Sau khi nhận được tin báo, Công an phường P đã làm việc với H, K và Đ. Tất cả đều khai nhận hành vi phạm tội. Ông Phạm Vũ I đã giao nộp điện thoại và W đã được nhận lại. H, K, Đ và gia đình đã đưa tiền cho O, để trả lại cho ông I.

Tại bản án số 79/2017/HS-ST ngày 26-12-2017 Tòa án nhân dân quận M đã:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 139; các điểm b và p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20, 53 và 74 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1, 6 Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt: - Nguyễn Hòa An K 01 năm 06 tháng tù.

- Nguyễn Phước Đ 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20 và 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt Lâm Văn H 2 năm tù.

Ngoài ra, còn có quyết định về án phí trong vụ án.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 26-12-2017, các bị cáo Nguyễn Hòa An K và Nguyễn Phước Đ kháng cáo, xin hưởng án treo; bị cáo Lâm Văn H kháng cáo, xin giảm mức hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo. Các bị cáo không có cung cấp thêm chứng cứ về các tình tiết mới.

Người bào chữa cho các bị cáo K và Đ, đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và chính sách pháp luật dành cho người chưa thành niên, để chấp nhận kháng cáo, cho các bị cáo này được hưởng án treo. Riêng bị cáo K có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn: Cha mẹ đã ly hôn. Bị cáo phải sống với cô Út. Bị cáo bị bệnh thiếu can xi mãn tính.

Kiểm sát viên nhận định bản án sơ thẩm đã tuyên có căn cứ và đúng pháp luật. Mức hình phạt đã tuyên là không nặng, đã có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, nên đề nghị giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm tuân thủ các quy định của Pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho những người tham gia tố tụng. Các chứng cứ tại hồ sơ đủ để kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như để giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

[1] Bị cáo K chưa đủ 18 tuổi, nhưng đã chủ động, cùng với H và Đ bàn bạc kế hoạch phạm tội, giả vờ hỏi mượn điện thoại di động của bị hại, rồi sau đó chiếm đoạt. Bị cáo là người chủ động đưa ra kế hoạch, kịch bản, sắp xếp vai diễn cho từng người. Bị cáo là người chủ mưu trong vụ án này và cũng là người trực tiếp tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có. Xét xử bị cáo theo điểm a khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[2] Bị cáo Đ chưa đủ 18 tuổi, nhưng là đồng phạm rất tích cực. Chính bị cáo và K đã than vãn với H, rằng - không có tiền tiêu xài. Khi thực hiện kế

hoạch phạm tội, bị cáo phối hợp rất ăn ý với đồng phạm. Sau khi được chia tiền do phạm tội mà có, bị cáo vẫn chưa thỏa mãn, mà bàn bạc với O - bán luôn điện thoại của bị hại (mà trước đó K đã mang đi cầm). Động cơ phạm tội của các bị cáo K và Đ là vì cần tiền để ăn nhậu, nhưng lười biếng, không chịu lao động.

[3] Bị cáo H đã đủ 18 tuổi, nhưng không khuyển răn, chỉ bảo cho các bị cáo K và Đ, mà ngược lại, đã chỉ điểm cho các bị cáo này phạm tội, cùng tham gia bàn bạc, rồi thực hiện kế hoạch phạm tội. Bị cáo bỏ qua tình nghĩa bạn bè với người bị hại, chỉ điểm, rồi sau đó là xúi giục bị hại đưa điện thoại cho K mượn, để thực hiện hành vi chiếm đoạt.

[4] Các bị cáo đều lười biếng lao động và coi thường thành quả lao động, tài sản của người khác, phạm tội là vì cần tiền để ăn nhậu hoang phí. Các bị cáo K và Đ chưa thành niên khi phạm tội, nhưng đã sống sa đọa và vì sa đọa mà phạm tội.

[3] Khi lượng hình Tòa án sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Mức hình phạt đã tuyên là không nặng, nên giữ nguyên như kết luận của Kiểm sát viên.

[4] Chính Phan Vũ I đã giao nộp điện thoại di động cho Cơ quan điều tra, để trả cho bị hại (BL.24,25,28.31,196). Các bị cáo và gia đình không có bồi thường cho người bị hại. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự khi lượng hình là không có căn cứ. Nên điều chỉnh lại cho phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng của các bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm (có điều chỉnh điều luật áp dụng).

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20, 53 và khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hòa An K và Nguyễn Phước Đ phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt: - Nguyễn Hòa An K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Nguyễn Phước Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu chấp hành án.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20 và 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên bố bị cáo Lâm Văn H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt Lâm Văn H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu chấp hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- VKSND TPCT;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan tổ tụng quận M;
- Các bị cáo;
- Lưu.

Nguyễn Văn Trinh

